TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày 16 tháng 12 năm 2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Quang Tụng và bà Nguyễn Thị Minh Huyền

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ tham gia phiên tòa*:* Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2025/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Công ty T2 (Tên viết tắt: SVFC LTD).

Địa chỉ trụ sở: Tầng I, tháp B, khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số 1- số A, đường T, phường A (phường T, thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Hoàng Như P; địa chỉ: Số C đường V, phường P, (phường P, thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Trần Quốc Đ; địa chỉ: Tầng H, tòa nhà A H (phường C, quận B cũ), thành phố Hà Nội (có mặt).

3. Ông Nguyễn Hữu Đ1; địa chỉ: Tòa G, chung cư F, số B K, phường K, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

* **Bị đơn**: Bà Cù Thị Kim Y, sinh năm 1973

Căn cước ông dân số: 025173012117

Địa chỉ: Khu A, xã L (xã L, huyện T cũ), tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Anh Nguyễn Ngọc S; sinh năm 1992, là con trai bà Y (có mặt).

Địa chỉ: Khu A, xã L (xã L, huyện T cũ), tỉnh Phú Thọ

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Khu A, xã L (xã L, huyện T cũ), tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 (con gái bà Y).

Địa chỉ: Khu C, xã L, tỉnh Phú Thọ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) do ông Trần Quốc Đ đại diện trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 22/09/2022, Công ty T2 và vợ chồng bà Cù Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn T; đều cư trú tại khu A L, xã L (xã L, huyện T cũ), tỉnh Phú Thọ đã ký kết *"Hợp đồng cho vay mua xe ôtô"* số 101037557, cụ thể: Công ty T2 cho vợ chồng bà Cù Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn T vay số tiền 1.750.000.000.đ (một tỉ bảy trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất vay 10,99%/năm cố định trong suốt thời hạn cho vay, kì hạn vay 48 kì, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng theo lịch trả nợ, mục đích vay để mua xe ôtô tiêu dùng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe ôtô hình thành từ khoản vay theo *"Hợp đồng thế chấp xe ôtô"* số 2208120003042654/HĐTC ngày 22/9/2022, tài sản thế chấp là 01 xe ôtô nhãn hiệu JAGUAR, số loại E-PACE, số khung SADFA2BXXL1004931, số máy: 200204Y0345PT204, biển số 19A-472.41, Giấy chứng nhận đăng kí xe ôtô số 19 000298 do Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp mang tên Nguyễn Văn T, giá trị tài sản thế chấp là 2.300.000.000.đ (hai tỉ ba trăm triệu đồng).

Cùng thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty T2 đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay bằng cách chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản do bên vay là vợ chồng bà Y, ông T chỉ định với thông tin tài khoản như sau: Tên chủ tài khoản; Công ty TNHH Phú Thái Mobility Thành phố H; số tài khoản: 0711000306268 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V), Chi nhánh T3 - Hà Nội.

Từ tháng 11/2022 đến tháng 07/2023, vợ chồng bà Y, ông T đã thanh toán trả được cho Công ty T2 02 kì với tổng số tiền là 120.200.000.đ (một trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) và kể từ đó cho đến nay vợ chồng bà Y, ông T không thanh toán cho Công ty T2 thêm khoản tiền vay nào nữa. Theo điểm f khoản 7.2 Điều 7 Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng thì bên vay có nghĩa vụ *"thanh toán Khoản Vay đúng hạn và phối hợp với SVFC để xử lý nợ"*. Mặc dù Công ty T2 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng vợ chồng bà Y, ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi theo định kì, vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng cho vay.

Ngày 14/08/2024, ông Nguyễn Văn T chồng bà Y chết, Công ty T2 đã tạo điều kiện để bà Cù Thị Kim Y trả nợ nhưng bà Y vẫn không tự nguyện trả nợ cho Công ty T2.

Căn cứ điểm a Khoản 9.1 Điều 9 của Bản Điều Khoản Cơ Bản quy định: *"Bên Vay không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán bất cứ khoản tiền nào đến hạn phải trả theo quy định tại Hợp*

Đồng Cho Vay" là một trong những Sự Kiện Vi Phạm và điểm b khoản 9.1 Điều 9 Hợp đồng thế chấp quy định: *"Bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ quy định tại HĐCV được bảo đảm bằng Hợp Đồng dẫn đến phải trả nợ trước hạn"* là một trong các trường hợp xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Theo đó, Công ty T2 đã nhiều lần ra thông báo yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay nhưng bà Y không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Cù Thị Kim Y phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi còn nợ tính đến ngày 16/12/2025 gồm: Tiền gốc là 1.667.083.334.đ; tiền nợ lãi trong kì là 342.792.886.đ; tiền nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 320.951.493.đ và tiền lãi chậm trả là 62.261.649.đ. Tổng cả gốc và lãi bà Y phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 tính đến ngày 16/12/2025 là 2.393.089.362.đ (hai tỉ ba trăm chín mươi ba triệu không trăm tám mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng) và phải tiếp tục chịu lãi quá hạn đối với dư nợ gốc còn lại và các loại lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận cam kết trong hợp đồng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà Cù Thị Kim Y không tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty T2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại xử lí tài sản thế chấp là chiếc xe ôtô nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: E-PACE, số khung: SADFA2BXXL1004931, số máy: 200204Y0345PT204, biển số 19A-472.41, Giấy chứng nhận đăng kí xe ôtô mang tên Nguyễn Văn T để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có) thì bà Cù Thị Kim Y phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T2 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

* Bị đơn bà Cù Thị Kim Y vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc S là con trai đại diện nhưng bà Y đã có lời khai như sau:

Bà Y xác nhận năm 2022, bà và chồng là ông Nguyễn Văn T (ông T đã chết ngày 14/8/2024) có ký kết *"Hợp đồng cho vay mua xe ôtô"* và *"Hợp đồng thế chấp xe ôtô"* đúng như đại diện Công ty T2 đã trình bày. Số tiền gốc vợ chồng bà vay Công ty T2 là 1.750.000.000.đ. Tài sản thế chấp xe ôtô nhãn hiệu JAGUAR, biển số 19A-472.41 đứng tên chồng bà là ông Nguyễn Văn T (chiếc xe ôtô này hiện nay con trai bà là anh Nguyễn Ngọc S đang quản lí, sử dụng). Kể từ khi vay cho đến nay, bà không biết ông T đã thanh toán trả cho Công ty T2 bao nhiêu tiền vì ông T là người trực tiếp làm việc với Công ty T2. Bà cũng xác nhận có nhận được các thông báo trả nợ của Công ty T2 nhưng không đọc nên không biết bà còn nợ bao nhiêu tiền. Sau khi được Tòa án công bố nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 thì bà mới biết số tiền gốc còn nợ Công ty T2 là: 1.667.083.334.đ. Nay Công ty T2 yêu cầu bà trả số tiền 2.339.018.227.đ (gồm tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 07/10/2025). Quan điểm của bà đồng ý bàn giao tài sản thế chấp là chiếc xe ôtô nhãn hiệu JAGUAR, biển số: 19A-472.41 cho Công ty T2, đề nghị Công ty T2 bù trừ hết nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho vay mà vợ chồng bà đã ký kết và bà không còn khoản nợ

nào phát sinh theo Hợp đồng cho vay với Công ty T2 nữa. Trường hợp bàn giao xe thì con trai bà là Nguyễn Ngọc S sẽ đứng ra để làm việc với Công ty T2.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc S (con trai bà Y) là người đại diện theo ủy quyền của bà Cù Thị Kim Y và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Anh S xác nhận năm 2022, bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Văn T, bà Cù Thị Kim Y có ký kết hợp đồng cho vay mua xe ôtô với Công ty T2. Số tiền gốc vay là 1.750.000.000.đ. Sau khi kí kết Hợp đồng vay, bố mẹ anh đã được Công ty T2 giải ngân toàn bộ số tiền để thanh toán mua xe ôtô nhãn hiệu: JAGUAR, số khung: SADFA2BXXL1004931, số máy: 200204Y0345PT204, biển số: 19A - 472.41, Giấy chứng nhận đăng kí xe mang tên bố anh là Nguyễn Văn T và ngay sau đó đã làm thủ tục thế chấp để bảo đảm cho khoản vay. Chiếc xe ôtô này hiện anh đang trực tiếp quản lý sử dụng, còn Giấy chứng nhận đăng kí xe ôtô do Công ty T2 quản lí.

Tại phiên tòa, anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 và xác nhận đến ngày 16/12/2025, bố mẹ đẻ anh còn nợ của Công ty T2 tổng số tiền gốc và lãi là 2.393.089.362.đ đúng như số tiền nợ mà Công ty T2 yêu cầu trả. Nay Công ty T2 yêu cầu mẹ anh là bà Cù Thị Kim Y trả tổng số tiền nợ gốc, lãi là 2.393.089.362.đ và xử lí tài sản thế chấp là chiếc xe ôtô anh đồng ý trả nợ và bàn giao xe cho Công ty T2, nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình anh hiện gặp nhiều khó khăn nên anh không xác định được thời hạn, phương thức trả nợ cụ thể.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bố mẹ đẻ anh là người trực tiếp vay và kí kết hợp đồng, nhưng do bố anh đã chết nên mẹ anh là Cù Thị Kim Y sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T2. Tài sản thế chấp là chiếc xe ôtô anh đang trực tiếp quản lí, anh sẽ có trách nhiệm giao xe cho Công ty T2 xử lí.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Nghĩa L con đẻ của bà Cù Thị Kim Y và ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau: Việc bố mẹ đẻ chị có vay tiền của Công ty T2 chị không được biết và không liên quan gì đến khoản vay này nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ phát biểu quan điểm: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Công ty T2 là tổ chức được cấp phép hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, huy động vốn, cấp tín dụng dưới hình thức cho vay. Công ty T2 khởi kiện yêu cầu bà Cù Thị Kim Y; cư trú tại khu A, xã L (xã L, huyện T cũ), tỉnh Phú Thọ phải có

nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo "*Hợp đồng cho vay mua xe ôtô*" số 101037557 ngày 22/9/2022. Tranh chấp phát sinh do vi phạm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân do vậy Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ thụ lí, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo về các phiên họp, phiên hòa giải nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng đã có lời trình bày gửi đến Tòa án. Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng cho vay mua xe ôtô giữa nguyên đơn là Công ty T2 và bị đơn là vợ chồng bà Cù Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn T được ký kết ngày 22/9/2022, trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật cho phép thực hiện, tuân thủ đúng pháp luật về nội dung, hình thức của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 385, 398 của Bộ luật Dân sự 2015 do vậy hợp đồng có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và mỗi bên đều phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về phía nguyên đơn là Công ty T2, sau khi ký kết hợp đồng đã thực hiện đúng các thỏa thuận cam kết, giải ngân toàn bộ số tiền vay là 1.750.000.000.đ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản do bên vay chỉ định. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là vợ chồng ông T, bà Y đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ tiền lãi và gốc định kì theo thỏa thuận. Tính đến ngày 16/12/2025 mới trả được tổng số tiền là 120.200.000.đ tương ứng với số kỳ đã thanh toán là 02 kỳ (từ kỳ thứ 01: tháng 11/2022 đến kỳ thứ 02: tháng 12/2022). Ngày 14/8/2024, ông T chết không để lại di chúc. Việc ký kết hợp đồng vay tín dụng là giao dịch dân sự do vợ chồng ông T, bà Y cùng thỏa thuận, xác lập với Công ty T2. Mặt khác, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là các con ông T, bà Y) xác nhận sau khi ông T chết không ai được hưởng lợi ích hoặc được thừa kế tài sản gì của ông T, cũng không thừa kế nghĩa vụ gì liên quan đến khoản vay của ông T, bà Y với Công ty T2. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, thì bà Y phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty T2.

Kể từ khi bà Y, ông Thái C thực hiện và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo định kì dẫn đến khoản nợ chuyển sang quá hạn. Mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ làm việc, đôn đốc tạo điều kiện để ông T, bà Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T, bà Y và sau này khi ông T chết thì bà Y vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ; bảng kê số tiền gốc, tiền lãi đã trả; bản giải trình về lãi suất, lãi quá hạn của Công ty T2, thì tính đến ngày 16/12/2025, bà Cù

Thị Kim Y còn nợ Công ty T2 tổng số tiền gốc là 1.667.083.334.đ; nợ lãi trong hạn là 342.792.886.đ; nợ lãi quá hạn là 320.951.493.đ; nợ lãi chậm trả là 62.261.649.đ; tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là **2.393.089.362**.đ. Sau khi kiểm tra, đánh giá thì việc tính lãi của Công ty T2 là có căn cứ, đúng thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thống nhất xác nhận việc vay nợ và tổng số tiền nợ tính đến ngày 16/12/2025 là **2.393.089.362**.đ. Hai bên cũng thống nhất bà Cù Thị Kim Y sẽ có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ nhưng không thống nhất được thời hạn và phương thức trả nợ cụ thể vì vậy cần buộc bà Cù Thị Kim Y phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 tổng số tiền còn nợ trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài tiền nợ gốc, tiền lãi phải trả như đã nêu trên, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

[4]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ôtô nhãn hiệu: JAGUAR, biển số 19A - 472.41, Giấy chứng nhận đăng kí xe mang tên Nguyễn Văn T để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng thế chấp xe ôtô số: 2208120003042654/HĐTC ngày 22/9/2022, bên thế chấp là ông Nguyễn Văn T, bà Cù thị Kim Y; bên nhận thế chấp là Công ty T2. Tài sản thế chấp là xe ôtô nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: E-PACE, số khung: SADFA2BXXL1004931, số máy: 200204Y0345PT204, biển số 19A - 472.41, Giấy chứng nhận đăng kí xe mang tên Nguyễn Văn T. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng kí biện pháp bảo đảm, các bên kí kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 317 Bộ luật Dân sự; Điều 8, Điều 22, Điều 23 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Điều 4, Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về Đăng ký biện pháp bảo đảm. Tài sản thế chấp hiện đang do anh Nguyễn Ngọc S (con trai bà Y, ông T) trực tiếp quản lí, sử dụng và đã được Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, phù hợp với tài sản đã thể hiện trong Hợp đồng thế chấp do vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết theo quy định tại khoản 1 Điều 319 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn về việc cho phát mại, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đúng pháp luật được chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc S là đại diện của bị đơn và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án xác nhận tài sản thế chấp là chiếc xe ôtô nhãn hiệu JAGUAR, biển số 19A-472.41 hiện đang do anh trực tiếp quản lí sử dụng và đồng ý bàn giao xe ôtô này cho cho Công ty T2 xử lí theo quy định.

[5]. Về các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C1 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H; Điều lệ Công ty T2; Hợp đồng cho vay mua xe ôtô số 101037577 ngày 22/9/2022; Phiếu đề nghị*

cấp khoản vay; Hợp đồng thế chấp xe ôtô số 2208120003042654/HDTC ngày 22/9/2022; Hợp đồng mua bán xe ôtô số 47/7/2022/HĐMB-PTM HCMC ngày 11/7/2022; Hóa đơn giá trị gia tăng số 00002526 ngày 31/8/2022; Tờ khai nguồn gốc xe ôtô nhập khẩu, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu; Chứng nhận đăng ký xe ôtô số 19 000298, biển số đăng ký: 19A - 472.41, tên chủ xe: Nguyễn Văn T; Biên bản định giá xe ôtô số 2208120003042654/BBDG-01 ngày 22/9/2022; Báo cáo định giá lại xe ôtô; Biên bản giao nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô; Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 22/9/2022; Chi tiết giao dịch và các bảng kê, giải trình lãi, lãi quá hạn của Công ty T2….

Các tài liệu chứng cứ trên đã được Tòa án công khai cho các đươc sự được biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn, đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối về các tài liệu chứng cứ này. Sau khi kiểm tra, xem xét đánh giá, Hội đồng xét xử xác định những tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp đều hợp pháp và có đầy đủ cơ sở để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Công ty T2 không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Bị đơn bà Cù Thị Kim Y phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7]. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm về nội dung vụ án. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 274, khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 278, Điều 280, Điều 282, khoản 2 Điều 292, Điều 295, khoản 1 Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100; khoản 6, khoản 7 Điều 102; khoản 1, khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty T2.

Buộc bà Cù Thị Kim Y phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 toàn bộ số tiền còn nợ của "*Hợp đồng cho vay mua xe ôtô*" số 101037557 ngày 22/09/2022 tính đến ngày 16/12/2025 gồm: Tiền gốc là 1.667.083.334.đ; tiền lãi là 726.006.028.đ (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả). Tổng số tiền gốc và tiền lãi bà Cù Thị Kim Y phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 đến ngày 16/12/2025 là **2.393.089.362**.đ (hai

tỉ ba trăm chín mươi ba triệu không trăm tám mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Cù Thị Kim Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất mà bà Y phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T2 được xác định theo thỏa thuận của các bên.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Cù Thị Kim Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty T2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đã thế chấp là chiếc xe ôtô nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: E-PACE, số khung: SADFA2BXXL1004931, số máy: 200204Y0345PT204, mang biển số 19A-472.41, Giấy chứng nhận đăng kí xe ôtô số 19 000298 do Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp mang tên Nguyễn Văn T (chiếc xe ôtô này hiện đang do anh Nguyễn Ngọc S con trai bà Y quản lí sử dụng) để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp được bán đấu giá không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Cù Thị Kim Y phải tiếp tục trả nợ cho Công ty T2 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí: Bà Cù Thị Kim Y phải nộp 79.861.787.đ (bảy mươi chín triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty T2 số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 37.328.000.đ (ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) tại *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số 0000818 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7**a**, 7**b** và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 3 - Phú Thọ;
- Các đương sự, người đại diện;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn